

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27 /2019/DS– ST

Ngày: 12/4/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Công Hạnh;
2. Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết;

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Diễm Anh Trúc – Thư ký Toà án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên toà:

Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2018/TLST – DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2018/QĐXXST – DS ngày 09/10/2018 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* ông Trần Công V – sinh năm 1962; Địa chỉ: đường T, khu phố M, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2/ *Bị đơn:* Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh dịch vụ P; địa chỉ: Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Minh L – Giám đốc. Vắng mặt.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Lương Kim H – sinh năm 1963 - Đội trưởng đội thủy nông; Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2018, bổ sung ngày 16/5/2018 và ngày 08/6/2018, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, ông Trần Công V trình bày:

Tôi thực hiện nhiệm vụ nạo vét kênh mương, lấy nước vào ruộng theo các biên bản giao nhận công việc với Đội thủy nông Hợp tác xã 05 vụ gồm vụ 8/2014, vụ 3/2015, vụ 8/2015, vụ 3/2016, vụ 8/2016; Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, tôi trực tiếp đến Hợp tác xã nhận tiền công; 02 vụ đầu tôi nhận đủ tiền công, 03 vụ sau tôi bị tính công còn thiếu so với công việc tôi hoàn thành, tự ý cắt diện tích đã giao khoán cho tôi giao lại cho người khác, tính tiền công thấp hơn công người khác, cụ thể:

-Chênh lệch tiền công: cùng diện tích khi tôi lấy nước tính công 96.000đ/ha nhưng khi giao cho người khác tính 107.000đ/ha, chênh lệch 11.000đ x 33 ha x 05 vụ = 1.815.000đ.

-Giao khoán cho tôi 33 ha nhưng tôi thực làm 46 ha (dư 13 ha có xác nhận của bà con nơi tôi lấy nước vào ruộng của họ): thiếu 13 ha x 107.000đ/ha x 05 vụ = 6.955.000đ.

-Tôi lấy nạo vét và lấy nước 33 ha nhưng tính tôi 30,9 ha, thiếu 225.000đ/vụ x 03 vụ = 675.000đ, việc tính thiếu này là do ông H cắt công của tôi trả tiền cho người khác.

-Công nạo vét tính cho tôi mương loại 1 là 1.500đ/m (trong khi đơn giá là 1.800đ/m nên chênh 300đ/m x 1.942m = 583.000đ x 05 vụ = 2.917.000đ.

Tổng cộng 12.362.000đ.

Yêu cầu ông H phải xác nhận lại đủ công việc cho tôi và buộc bị đơn trả nợ số tiền công thực hiện công việc nạo vét kênh mương còn thiếu.

-Tại biên bản hòa giải và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bị đơn Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ P trình bày: Hợp tác xã ký hợp đồng nạo vét kênh mương với Đội thủy nông của Hợp tác xã thực hiện nhiệm vụ theo từng vụ mùa. Đội thủy nông trực tiếp thuê mướn nhân công làm công việc được Hợp tác xã giao khoán, sau khi các nhân công hoàn thành nhiệm vụ được nghiệm thu thì đến Hợp tác xã nhận tiền công. Đối với ông Trần Công V, Hợp tác xã không hợp đồng trực tiếp với ông, Hợp tác xã đã thanh toán tiền công đầy đủ cho các nhân công làm nhiệm vụ, do đó Hợp tác xã không liên quan gì đến ông V, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông V. Sự việc ông V khiếu nại, đã được Hợp tác xã trả lời, giữ nguyên ý kiến tại các văn bản này.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Kim H trình bày: Tôi là đội trưởng đội thủy nông thuộc Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ phường P, nhận khoán công việc theo Hợp đồng với Hợp tác xã và trực tiếp thuê mướn nhân công thực hiện công việc, có bảng giao việc cho từng người

ký nhận trong đó có ông Trần Công V. Sau khi các nhân công làm xong được Hợp tác xã nghiệm thu đúng đủ công việc đã làm thì họ đến phòng kế toán Hợp tác xã nhận tiền công, bản thân tôi không nhận tiền giao cho nhân công nào. Đối với ông Trần Công V, trong quá trình làm việc, ông V làm thiếu nên tôi có cắt phần diện tích thiếu 2,1 ha của ông V giao cho ông Huỳnh Đức Trung (địa chỉ khu phố 4, phường Phú Thạnh) lấy nước khu Bờ Đé, Gò Tình từ vụ 3/2015, ông V còn làm 30.9 ha, Hợp tác xã trả tiền cho người ông V theo diện tích ông đã làm, ông V không ý kiến gì, đến lúc tôi không giao việc cho ông nữa thì ông mới khiếu nại.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn yêu cầu:

+Cùng diện tích tưới nước, Hợp tác xã tính công cho ông Trung 107.000đ/ha nhưng tính cho ông là 96.000đ/ha, chênh lệch $11.000đ/ha \times 33 \text{ ha} \times 02 \text{ vụ} = 726.000đ$ và $11.000đ/ha \times 30,9 \text{ ha} \times 03 \text{ vụ}$ (do HTX đã cắt 2,1 ha sang cho ông Trung làm) = 1.019.700đ. Tổng cộng Hợp tác xã phải trả chênh lệch cho ông số tiền là 1.745.700đ.

+Giao khoán cho ông 33 ha nhưng ông thực làm 46 ha (dư 13 ha có xác nhận của bà con nơi ông lấy nước vào ruộng của họ, có biên bản giao nhận khoán, có bản đồ khu vực ông lấy nước): tính công còn thiếu $13 \text{ ha} \times 107.000đ/ha \times 05 \text{ vụ} = 6.955.000đ$.

+Công nạo vét tính theo chiều dài kênh mương cho ông mương loại 2 (chiều dài 725m), loại 3 (chiều dài 1217m) là 1.500đ/m trong khi đơn giá là 1.800đ/m nên chênh $300đ/m \times 1.942m = 582.600đ \times 05 \text{ vụ} = 2.913.000đ$.

Tổng cộng Hợp tác xã phải trả cho ông tiền công còn thiếu là 11.613.700đ.

-Tại phiên tòa ngày 08/01/2019, bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-Tại phiên tòa ngày 08/01/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Nguyên đơn thực hiện công việc tưới nước vào ruộng và nạo vét kênh mương trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận về các nội dung công việc

phải làm, tiền công, thời gian hoàn thành công việc và thực tế nguyên đơn đã ký nhận tiền công và không có khiếu nại đối với bị đơn ngay tại thời điểm ký nhận tiền công, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền công nạo vét kênh mương và lấy nước vào ruộng, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có địa chỉ tại phường Phú Thạnh, thành phố T, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa ngày 08/01/2019, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt trình bày ý kiến nhưng phiên tòa ngày 12/4/2019 vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa ngày 08/01/2019, các đương sự đều thống nhất nội dung: Căn cứ Hợp đồng nạo vét kênh mương, bảo quản hệ thống thủy lợi và dẫn nước vào ruộng vụ 8/2014, vụ 3/2015, vụ 8/2015, vụ 3/2016, vụ 8/2016 đã ký kết giữa Hợp tác xã Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ P (sau đây gọi là Hợp tác xã) với đội trưởng Đội thủy nông, đội trưởng Đội thủy nông căn cứ vào Kế hoạch giao khoán bảo quản, tu bổ, nạo vét mương tưới thủy lợi viên hàng năm giao việc cho các thành viên của Đội thủy nông trực tiếp thực hiện công việc này, nguyên đơn Trần Công V là một trong những thành viên thuộc Đội thủy nông, được đội trưởng giao cho trực tiếp thực hiện công việc nêu trên, sau khi hoàn thành công việc, Hợp tác xã trực tiếp nghiệm thu và trả tiền công cho nguyên đơn. Nguyên đơn thực hiện công việc từ vụ 8/2014 đến hết vụ 8/2016 thì đội trưởng không giao việc cho nguyên đơn làm tiếp, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền công còn thiếu của các vụ mùa đã làm xong. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng dịch vụ” giữa bên thuê dịch vụ là Hợp tác xã và bên cung ứng dịch vụ là nguyên đơn Trần Công V, các bên thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng từ năm 2016, nên căn cứ quy định tại Điều 688 BLDS2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định từ Điều 518 –

Điều 526 BLDS 2005 để giải quyết đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa đối với Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh dịch vụ P về việc trả các khoản tiền cụ thể:

+ Cùng diện tích tưới nước, Hợp tác xã tính công cho ông Trung 107.000đ/ha nhưng tính cho ông là 96.000đ/ha, chênh lệch 11.000đ/ha x 33 ha x 02 vụ = 726.000đ và 11.000đ/ha x 30,9 ha x 03 vụ (do HTX đã cắt 2,1 ha sang cho ông Trung làm) = 1.019.700đ. Tổng cộng Hợp tác xã phải trả chênh lệch cho ông số tiền là 1.745.700đ.

+ Giao khoán cho ông 33 ha nhưng ông thực làm 46 ha (dư 13 ha có xác nhận của bà con nơi ông lấy nước vào ruộng của họ, có biên bản giao nhận khoán, có bản đồ khu vực ông lấy nước): tính công còn thiếu 13 ha x 107.000đ/ha x 05 vụ = 6.955.000đ.

+ Công nạo vét tính theo chiều dài kênh mương cho ông mương loại 2 (chiều dài 725m), loại 3 (chiều dài 1217m) là 1.500đ/m trong khi đơn giá là 1.800đ/m nên chênh 300đ/m x 1.942m = 582.600đ x 05 vụ = 2.913.000đ.

Tổng cộng Hợp tác xã phải trả cho ông tiền công còn thiếu là 11.613.700đ.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp “Giấy xác nhận” do ông lập ngày 19/6/2017 có chữ ký xác nhận của bà con, điều này không chứng minh được việc ông thực làm 46 ha, ngoài ra ông cung cấp các bản photocopy gồm 01 tờ “Bảng thanh lý hợp đồng” ngày 01/01/2015 nhưng không có chữ ký của các bên, 02 tờ “Kế hoạch giao khoán, bảo quản, tu bổ, nạo vét mương tưới thủy lợi viên năm 2015” trong đó 01 tờ có chữ ký của ông và ông Lương Kim H, 01 tờ không có chữ ký của các bên để chứng minh sự chênh lệch trong cách tính mương loại 2, mương loại 3, 01 tờ “Biên bản nghiệm thu tu tạo, nạo vét mương tiêu cầu nội đồng vụ 8/2015” ghi tên Trần Công V nhưng không có chữ ký của các bên nghiệm thu, mặc khác ông Lương Kim H – đội trưởng đội thủy nông chỉ giao khoán cho ông thực hiện việc tưới nước trên 33ha, các tài liệu nguyên đơn đã cung cấp không đủ cơ sở để chứng minh ông bị tính thiếu tiền công. Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng căn cứ vào cách tính của Hợp tác xã đối với ông Huỳnh Đức Trung khi nhận 2,1 ha khu vực Gò Tình (trước đây ông là người trực tiếp làm) = 225.000đ tương đương 107.000đ/ha. Tại phiên tòa ngày 08/01/2019, bị đơn có mặt đã giải thích: việc Hợp tác xã tính cho ông Trung giá 107.000đ/ha là do việc dẫn nước khu vực Gò Tình giữa đội 13+14 khó khăn, thời điểm giao khoán cho ông V tưới tiêu

trên diện tích này tính công cho ông giá 96.000đ/ha, với cách tính này ông V đã chấp nhận (thể hiện bằng việc ký vào Bảng Kế hoạch giao khoán bảo quản, tu bổ, nạo vét mương tưới thủy lợi viên năm 2016 và không khiếu nại gì trong thời gian ông V còn làm dịch vụ). Ông V không thừa nhận chữ ký của mình trong bảng Kế hoạch này nhưng không yêu cầu giám định. Ngoài ra, căn cứ vào các Bảng thanh toán tiền công thủy lợi viên vụ 3 và 8/2016, ông V đều ký nhận tiền công trên 30.9ha, tại biên bản ghi lời khai ngày 14/11/2018, ông Huỳnh Đức Trung đã trình bày việc ông là người trực tiếp tưới nước cho 2,1 ha trước đây giao cho ông V từ vụ 8/2014 đến nay nhưng ông chỉ nhận tiền công từ vụ 8/2015 đến nay, bản thân nguyên đơn không chứng minh được việc ông vẫn trực tiếp làm trên 2,1 ha này, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã chấp nhận việc ông Trung tưới nước trên 2,1 ha trong 03 vụ. Các tài liệu nguyên đơn cung cấp là các bản photocopy nên không chứng minh được quyền lợi của mình bị xâm phạm, bị đơn đã cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh thanh toán đầy đủ tiền công cho nguyên đơn trong thời gian nguyên đơn trực tiếp thực hiện công việc được giao, mặc khác, tại thời điểm giao kết hợp đồng, thỏa thuận về tiền công giữa các đương sự là tự nguyện và nguyên đơn đã ký nhận tiền công đầy đủ, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6]Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228, Điều 93, 95, 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Công V tại đơn khởi kiện ngày 30/01/2018, bổ sung ngày 16/5/2018, ngày 08/6/2018 và tại phiên tòa.

2. Về án phí: Ông Trần Công V phải chịu 581.000 đồng (Năm trăm tám mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 309.000đ (Ba trăm lẻ chín ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 9930 ngày 20/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Tuy Hòa
- TAND tỉnh Phú Yên
- Các đương sự
- Chi cục thi hành án dân sự
thành phố Tuy Hòa
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà